

VĂN HOÁ TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ CON NGƯỜI

TS. Nguyễn Đức Hiệp

Australia

Trong một chuyến đi thăm Việt Nam cách đây hơn 5 năm, trong lúc đợi lên phi cơ, vào một hiệu sách ở phi trường, tôi có tình cờ đọc được một sách viết về sự phát triển kinh tế trong thời kỳ toàn cầu hoá ở Á châu và vai trò quan trọng của các nhà tư bản bản xứ và Hoa kiều ở Á châu từ gần như tay trắng đã trở thành thế lực mạnh ở các nước trong vùng. Tác giả cho rằng thế giới sau này sẽ được chi phối bởi một số các “bộ lạc” đa quốc, liên quốc gia (transnational) chính là Anh, Hoa, Do Thái, Âu. Mỗi “bộ lạc” gồm các công ty, nhà tư bản cùng văn hoá hay tiếng nói, hợp tác chung với nhau để cạnh tranh. Thi dụ như người Hoa tư bản ở Indonesia để cộng tác, đầu tư và làm ăn thích hợp với người Hoa ở Mã Lai, Phi Luật Tân, Trung Quốc hay các nước khác để cạnh tranh trong những thị trường thương mại quốc tế.

Toàn cầu hoá sẽ dẫn tới viễn cảnh của sự thành lập các “bộ lạc” cạnh tranh với nhau chứ không phải dẫn tới sự kết hợp để tạo thành một văn hoá thế giới (world culture).

Á châu thời đó kinh tế phát triển mạnh mẽ và rất tự tin với một số nước cho rằng “giá trị,” Á châu đã là lý do chính của sự thành công kinh tế và không cần phải học hỏi thêm hay áp dụng một số giá trị và tư tưởng của Tây phương như dân chủ, nhân quyền vì nó trái lại với giá trị “truyền thống” văn hoá Á châu.

Đa số các sách thuộc loại đọc nhanh cho các nhà đầu tư du hành (businessman traveller) là vô thưởng vô phạt. Tuy vậy sau này tôi tìm lại và biết tác giả bị ảnh hưởng của Joel Kotkin trong sách “Bộ Lạc” (Tribes). Tư tưởng của Kotkin cho rằng thế giới sau toàn cầu hoá, với sự cất cánh của Trung Quốc sẽ dẫn tới sự cạnh tranh khốc liệt về kinh tế và chính trị và phân hoá thành các nhóm liên quốc gia. Mỗi nhóm gồm các dân tộc, các quốc gia cùng văn hoá, văn minh gốc cạnh tranh với các nhóm khác khác văn hoá, văn minh.

Tư tưởng như vậy đã gặp phải nhiều sự phê bình trong thập niên 90 là lạc hậu, thụt lùi và bi quan, tương phản với tình hình và sự lạc quan của nhân loại bước vào ngưỡng cửa thế kỷ 21 sau thời kỳ chiến tranh lạnh và ý thức hệ đã chấm dứt. Dân chủ, tiến bộ khoa học và ý thức con người sẽ giúp nhân loại giải quyết hạnh phúc và sự liên hệ giữa con người.

Tuy vậy, tôi có trực tính và suy nghiệm là tác giả một phần có lý về lối suy nghĩ và kết luận của mình. Vì ngay trong thập niên 90, đã có những dấu hiệu đáng chú ý, sau khi chiến tranh ý thức hệ đã chấm dứt.

- Sự xung đột ở vùng Balkan (Bosnia, Croatia, Serbia). Balkan là giao điểm của ba nền văn minh lớn: Công giáo, Hồi giáo và Chính thống Giáo mà các chuyên gia xã hội và sử học gọi là “lằn mặt đất đứt đoạn” (fault line). Các cộng đồng vùng Balkan ở trên có cùng một chủng tộc với tiếng nói giống và rất gần nhau nhưng chỉ khác văn hoá. Trong cuộc xung đột, các nước Hồi giáo như Mã Lai, Thổ Nhĩ Kỳ, Saudi Arab gửi vũ khí và quân tình nguyện để giúp người Hồi Bosnia.

- Thủ tướng Mã Lai trong chuyến viếng thăm Pakistan gần Khyber Pass cho rằng văn minh Hồi giáo sẽ trở lại thời kỳ huy hoàng trải rộng từ Nam Âu, Cận Đông, Afghanistan, Trung Á tới Đông Nam Á của thời kỳ trước trong lịch sử. Ông cũng ra lệnh không cho phép phim “Schindler List” về sự tàn sát hàng loạt

(Holocaust) ở Âu châu được chiếu ở Mã Lai vì cho đó là tuyên truyền của tư bản Do thái và phủ nhận sự tàn sát là có thật.

- Cuộc xung đột ở Kashmir, nơi giao điểm “lằn đứt đoạn” của hai nền văn minh: Hồi và Ấn Độ giáo.

- Xung đột ở Chechnya giữa người Hồi và Nga.

Fukiyama, học giả đã được nhiều người biết đến trong tác phẩm “Sự chấm dứt của lịch sử” (The end of History), cho rằng sau chiến tranh lạnh với sự thắng thế của dân chủ, các xã hội và con người trên thế giới sẽ dần tiến về các cộng đồng, quốc gia xã hội công dân, dân chủ, trong suốt (transparency) mà người dân sẽ tham gia vào tiến trình này với sự trợ giúp qua thông tin, hiểu biết trong thời đại toàn cầu hóa mà không bị ngăn trở. Vì thế lịch sử đã đi đến hết và không còn có gì để tiến thêm hơn nữa trong sự tiến hoá của ý thức con người về lý trí, tôn giáo, khoa học và sự liên hệ giữa con người trong xã hội, với quốc gia và giữa quốc gia với nhau trong cơ cấu dân chủ khai sáng.

Sự tiến hóa của ý thức con người qua sự tiến bộ về tư tưởng, dân chủ, lý trí, khoa học tách rời khỏi niềm tin tôn giáo từ thế kỷ 18 ở Tây Âu và sau cùng ở cuối thế kỷ 20 sau một giai đoạn tranh đấu ý thức hệ căng thẳng đã giúp con người đi đến sự toàn thể của dân chủ tự do.

Sự suy luận như trên đã có ảnh hưởng rộng rãi trong tầng lớp trí thức ở nhiều nước trên thế giới và trong các chính phủ Tây phương với sự tự tin bước vào thế kỷ 21 mới.

Một điểm mà Fukiyama và nhiều người không cho là quan trọng và bỏ quên đi là truyền thống văn hoá. Văn hoá là sinh vật sống, nó phản ứng với môi trường chung quanh như các sinh vật khác. Nếu thuận lợi, nó sẽ phát triển. ở môi trường khó khăn hơn, nó sẽ cố gắng thích hợp. Khi bị đe dọa, nó sẽ chống trả. Văn hóa là

thể hiện giá trị của con người, một sinh vật. Thí dụ như Ba Tư, ở cuối thập niên 70, khi bị văn hoá Tây phương đe dọa văn hóa bản địa và qua các tầng lớp nông thôn và tôn giáo, văn hoá bản địa đã phản ứng lại dữ dội: hậu quả là cách mạng Ba Tư.

Trước khi có biến cố 11 tháng Chín 2001 ở Mỹ, ít ai biết về Huntington, ngoài các nhà sử học và nghiên cứu về xã hội. Cũng như Kotkin, Huntington cũng đã bị phê bình nhiều trong sách của ông “Clash of Civilizations” (Xung đột của các nền văn minh). Vấn đề của ông là ông đã đi ngược lại trào lưu chung trong sự lạc quan trong thời đại mới về bước tiến của toàn cầu hoá, dân chủ hoá và sự thắng thế của văn minh dân chủ tự do phương Tây. Ông cho rằng văn minh phương Tây sẽ bị thách thức, chặn lại, đẩy lùi và sẽ bị cạnh tranh mãnh liệt bởi 2 nền văn minh lớn: văn minh Hồi giáo, và văn minh Trung Quốc với sự xuất hiện, trỗi dậy của siêu cường kinh tế Trung Quốc mới. Ý thức hệ về dân chủ, tự do, quyền con người sẽ không có thể có triển vọng và sẽ bị đẩy lùi. Thế kỷ 21 sẽ không phải là sự “chấm dứt của lịch sử” con người mà chỉ là sự bắt đầu của lịch sử trên quảng đường dài.

Sau ngày 11/9/2001, báo chí ở phương Tây đăng lại các bài của Huntington và bàn luận chung quanh vấn đề đã được đặt ra. Các tác giả có tiếng khác cũng đã đặt câu hỏi và đưa ra những lý luận và giải pháp khác biệt, như Edward Said, Francis Fukuyama, Umberto Eco.

Để có thể hiểu rõ hơn về các ý tưởng và luận thuyết của Huntington, ta có thể trích và tóm lược vài điểm chính về công trình nghiên cứu công phu này của ông.

Tổng quan, ông cho rằng:

“Giả thuyết của tôi cho là nguồn gốc cơ bản của sự xung đột ở thời kỳ mới trên thế giới sẽ không phải chính là do ý thức hệ hay kinh tế. Những sự chia rẽ lớn giữa con người và nguyên nhân chính của xung đột, chiến tranh sẽ là do từ văn hoá. Các quốc gia vẫn sẽ là những diễn viên quan trọng nhất trong các công việc

và sự kiện trên thế giới, nhưng các cuộc xung đột chính yếu của chính trị toàn cầu sẽ xảy ra giữa các quốc gia và các nhóm có nền văn minh khác nhau. Sự giao chiến, xung đột giữa các nền văn minh sẽ là những chiến trường trong tương lai”

Trước khi đi vào chi tiết, ta nên hiểu thế nào là định nghĩa của văn minh (civilization). Theo Huntington, thì văn minh là một thực thể văn hoá. Các làng, tỉnh, các nhóm dân tộc, các tôn giáo, tất cả đều có văn hoá riêng biệt ở các bậc khác nhau của sự đa văn hoá. Văn hoá ở một làng vùng Nam nước Ý có thể khác văn hoá ở làng vùng Bắc Ý, nhưng cả hai đều có chung văn hoá Ý làm chúng khác biệt với văn hoá ở các làng nước Đức. Cũng vậy cộng đồng Âu châu có chung các thành phần hữu thể (features) văn hoá khác với cộng đồng Ả Rập hoặc Trung Quốc.

Cộng đồng người Ả Rập, Trung Quốc, Tây Phương, tuy vậy, không phải là thành phần của một thực thể văn hoá nào rộng hơn nữa. Những cộng đồng này cấu tạo các nền văn minh khác nhau. Một nền văn minh vì thế là sự kết nhóm văn hoá cao nhất của các nhóm dân và là mức rộng nhất của một thực thể văn hoá mà con người có thể phân biệt con người với các sinh vật khác. Văn minh được định nghĩa bởi những thành phần khách quan cùng chung với nhau như ngôn ngữ, lịch sử, tôn giáo, phong tục, cơ sở cơ chế, và bởi sự nhận thức, tự nhận diện chủ quan chung của người dân.

Một nền văn minh có thể gồm vài nước, như trường hợp văn minh Tây phương, Mỹ Latin và Ả Rập, hoặc chỉ gồm có một nước như văn minh Nhật Bản. Văn minh dĩ nhiên hoà hợp và giao tác và có thể có các nhánh nhỏ. Văn minh Tây Phương có hai nhánh chính: Âu châu và Bắc Mỹ và văn minh Hồi giáo có các nhánh Ả Rập, Thổ Nhĩ Kỳ, và Mã Lai. Tuy thế văn minh là những thực thể có ý nghĩa, và mặc dầu lần chia cách chúng rất ít khi thấy rõ, nhưng chúng có thật và hiện hữu.

Theo Huntington, sau đây là các lý do chính vì sao sẽ có xung đột giữa các nền văn minh

“Vận mệnh thế giới sẽ được tạo ra phần lớn từ các sự liên tác động của 7 hoặc 8 nền văn minh chính. Những nền văn minh này gồm văn minh Tây phương, Khổng giáo, Nhật, Hồi giáo, Ấn độ giáo, Chính thống giáo, Mỹ Latin và có thể văn minh Phi châu. Những cuộc xung đột quan trọng nhất về tương lai sẽ xảy ra dọc theo các đường nứt đoạn (fault lines) văn hoá ngăn chia những nền văn minh này trên thế giới.

Tại sao như vậy?

Thứ nhất, sự khác biệt giữa các nền văn minh thực là cơ bản. Văn minh khác lẫn nhau từ lịch sử, ngôn ngữ, văn hoá, truyền thống và quan trọng nhất là tôn giáo. Con người ở các nền văn minh có các quan điểm khác nhau về sự liên hệ giữa đáng tối cao và con người, giữa cá nhân và tập thể, giữa công dân và nhà nước, giữa cha mẹ và con cái, giữa chồng và vợ, cũng như quan điểm khác nhau về sự quan trọng tương đối giữa quyền hạn và bổn phận trách nhiệm, tự do và quyền thế, bình đẳng và giai cấp. Những sự khác biệt này là sản phẩm của bao thế kỷ. Chúng sẽ không biến mất nhanh chóng. Chúng thật là cơ bản hơn là sự khác nhau giữa các ý thức hệ chính trị hay các chế độ chính trị. Sự khác biệt không thiết yếu nghĩa là có xung đột và xung đột không thiết yếu là bạo động. Qua các thế kỷ, tuy thế, sự khác biệt giữa các văn minh đã gây ra những cuộc xung đột bạo động và kéo dài nhất trong lịch sử.

Thứ hai, thế giới hiện nay đang trở nên nhỏ dần. Sự liên tác giữa các dân từ các nền văn minh khác nhau sẽ càng ngày càng tăng lên; và những sự liên tác càng nhiều này sẽ làm mọi người ý thức về các nền văn minh, văn hoá và nhận thức ra về các sự khác nhau giữa các nền văn minh và các điểm chung trong cùng một nền văn minh. Thí dụ, sự di dân của người bắc Phi vào Pháp đã gây ra các sự

chống đối thù hằn từ người Pháp nhưng đồng thời lại chấp nhận có thiện cảm từ sự di dân của những người Công giáo Ba Lan. Người Mỹ phản ứng không thiện cảm về đầu tư của người Nhật nhiều hơn là đầu tư từ Canada và các nước Âu châu. Cũng vậy như Donal Horowitz đã chỉ rõ “Một người Ibo có thể được phân biệt và gọi là là người Owerri Ibo hay Onitsha Ibo ở vùng Đông Nigeria. ở Lagos, ông ta chỉ coi là người Ibo. ở Luân Đôn, thì ông ta là người Nigeria. Còn ở New York, thì ông chỉ được biết là người Phi châu”. Sự liên tác của các dân từ các văn minh khác nhau sẽ làm tăng lên sự nhận thức về văn hoá của họ và từ đó làm tăng lên sự khác nhau và khó chịu, thù hằn đã có từ xưa trong lịch sử.

Thứ ba, tiến trình canh tân kinh tế và thay đổi trong xã hội với viễn cảnh của toàn cầu hoá đã làm người dân mất dần đi cái đặc tính và tính chất thực thể của địa phương và làm yếu đi vai trò của quốc gia trong sự tự nhận diện về đặc tính, đặc thù của cá thể. Vì thế ở nhiều nơi trên thế giới, tôn giáo đã điền vào khoảng trống này, dưới dạng các phong trào tôn giáo giáo điều trở về nguồn (fundamentalist). Những phong trào này đã xuất hiện ở Ki Tô giáo, Đạo Do thái, Phật giáo, Ấn độ giáo cũng như Hồi giáo. Đa số những người tham gia trong các phong trào này là trẻ, có học và thuộc tầng lớp trung lưu. Sự hồi sinh của tôn giáo ở thời đại mới, “la revanche de Dieu”, như Gilles Kepel đã mô tả, cung cấp được một nền tảng cho phép sự tự nhận diện và hiện hữu của một cá thể hay một tập thể và sự tham gia vượt qua khỏi biên giới quốc và thống nhất các nền văn minh.

Thứ tư, sự lớn mạnh của nhận thức về văn hoá ở người dân được tăng thêm bởi vai trò lưỡng đôi của thế giới Tây phương. Về một mặt, phương Tây đang ở cao điểm của quyền lực. Tuy vậy, trong cùng thời điểm, và có thể cũng vì vậy mà có hiện tượng trở về nguồn đã xảy ra ở các nền văn minh khác. Chúng ta càng ngày nghe nói về khuynh hướng hướng nội về “Á châu hoá” ở Nhật Bản, sự chấm dứt của di sản Nehru và sự “Ấn độ giáo hoá” ở Ấn Độ, sự thất bại của ý thức hệ Tây phương về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa quốc gia và vì thế sự hồi sinh của “Hồi

giáo hoá” ở Trung Đông, và nay thì tranh cãi giữa “Tây phương hoá” hay “Nga hoá” ở xứ sở của Boris Yelsin. Phương Tây ở đỉnh cao của quyền lực đối diện với các xã hội khác càng ngày có ý muốn, ý chí và khả năng tài nguyên để lèo lái và thiết lập một thế giới mới theo kiểu và cách khác với phương Tây.

Trong quá khứ, những người quyền thế ở các xã hội ngoài phương Tây thường là người có liên hệ với phương Tây nhiều nhất, đã được giáo dục ở Oxford, Sorbonne hay Sandhurst, và đã hấp thụ thái độ và giá trị của văn hoá Tây phương. Trong cùng thời gian thì dân chúng ở các xã hội này thường thì vẫn còn giữ, bảo tồn và sống theo văn hoá bản xứ. Nay thì trái lại ở thời đại toàn cầu hoá, thì lại trái ngược. “Bản địa hoá” ở tầng lớp cao, có học và quyền thế đang xảy ra trong khi đó thì văn hoá phương Tây (nhất là Mỹ), với lối sống, phong tục, cách ăn mặc đã trở thành phổ thông ở tầng lớp dân chúng.

Thứ năm, đặc tính văn hoá và các sự khác biệt rất khó thay đổi và vì thế khó dung hoà và giải quyết hơn là sự khác biệt về kinh tế hay chính trị. ở Liên bang Xô Viết cũ, người cộng sản có thể thành người dân chủ, người giàu trở thành nghèo và người nghèo trở thành giàu, nhưng người Nga không thể trở thành người Estonia và người Azeris không thể trở thành người Armenia. Trong sự xung đột về giai cấp và ý thức hệ, câu hỏi then chốt là “Anh theo bên nào?” và người ta có thể chọn và đổi bên. Trong cuộc xung đột giữa các nền văn minh, câu hỏi then chốt là “Anh là ai?”, là ai là cái đã được cho và không thể thay đổi được. Như ta biết từ Bosnia, đến vùng Caucasus, Sudan, câu trả lời sai có thể dẫn đến một viên đạn vào đầu. Hơn cả dân tộc và chủng tộc, tôn giáo phân biệt rõ ràng và riêng biệt giữa con người. Một người có thể là nửa Pháp, nửa Ả Rập và đồng thời là công dân của hai nước. Nhưng rất khó để người đó là nửa Công giáo và nửa Hồi giáo.

Và sau cùng, sự thành lập các khối kinh tế trong các khu vực càng nhiều. Tổng số số lượng thương mại trong cùng khối kinh tế trong vùng tăng lên trong năm 1980 đến 1989, từ 51% lên 59% ở Âu châu, từ 33% lên 37% ở Đông Á, và từ 32%

lên 36% ở Bắc Mỹ. Sự quan trọng của các khối kinh tế khu vực sẽ càng ngày càng tăng trong tương lai. Về một mặt, sự thành công của các khối kinh tế khu vực sẽ làm tăng ý thức về văn hoá, văn minh chung. Về mặt khác, kinh tế khu vực chỉ có thể thành công khi nó có gốc là cùng chung một nền văn minh. Cộng đồng chung Âu châu dựa vào cơ bản chung của văn hoá Âu châu và đạo Ki-tô.

Năm lý do trên là cốt lõi của học thuyết Huntington. Lý do sau cùng về kinh tế và về phương diện này, ông cũng không khác Kotkin. Thí dụ về sự xuất hiện của cường quốc kinh tế Trung Quốc, cũng như Kotkin, ông cho rằng

“Cùng chung văn hoá, trái lại làm thuận lợi sự mở rộng nhanh chóng về quan hệ kinh tế giữa Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và Hồng Kông, Đài Loan, Singapore và các cộng đồng Hoa kiều ở các nước Á châu khác. Nếu cùng chung văn hoá là tiên quyết cho sự hội nhập kinh tế thì khối kinh tế chính ở Đông Á về tương lai là sẽ có trọng điểm ở Trung Quốc. Khối kinh tế này, thực ra, thì đã có và tồn tại rồi.

Mặc dầu hiện nay Nhật bản đang đứng đầu trong vùng, nhưng khối kinh tế của người Hoa ở Á châu đã nhanh chóng trở thành một trọng điểm mới về kỹ nghệ, thương mại và tài chính. Vùng chiến lược này có số lượng và khả năng lớn về kỹ nghệ và chế tạo (Đài Loan),

Theo ông sự xung đột của các nền văn minh xảy ra ở hai tầng lớp. Ở tầng vĩ mô, các nhóm cạnh nhau dọc theo đường nứt đoạn giữa các nền văn minh sẽ tranh đấu, thường thì bạo động, để thống trị lãnh thổ và kiểm chế lẫn nhau. Ở tầng vĩ mô, các quốc gia từ các nền văn minh khác cạnh tranh về quân sự và kinh tế, tranh đấu để dành quyền kiểm soát các cơ cấu, tổ chức quốc tế, và cạnh tranh để đưa và nâng cao giá trị chính trị và tôn giáo của mình.

Khi chiến tranh lạnh chấm dứt và bức màn sắt chia đôi ý thức hệ bị mất, thì đường nứt đoạn giữa các nền văn minh sẽ là biên giới mới. “Bức màn nhung” của

văn hoá sẽ thay thế “bức màn sắt” của ý thức hệ. Ông tiên đoán sẽ có sự xung đột giữa hai nền văn minh Hồi giáo và Tây phương.

Trong lịch sử, sự xung đột giữa hai nền văn minh này đã trải qua 1,300 năm cho đến nay, dọc theo đường nứt đoạn. Khả năng xung đột về quân sự có thể cao về tương lai. Như ta đã biết, chiến tranh vùng Vịnh đã làm cho một số người Ả Rập hản diện vì một mình Saddam Hussein đã dám đứng đối đầu với phương Tây và tấn công kẻ thù chung Do Thái.

Ngay cả khi các nước Ả Rập đã sung túc, kinh tế và xã hội phát triển với tài nguyên dầu hỏa phong phú, và qua đó nền dân chủ sẽ và đang được tạo lập thay thế sự cai trị độc đoán phong kiến (một số nước hiện nay đã đi đến tình trạng này) thì những đoàn thể được lợi nhất là các phong trào Hồi giáo. Nói tóm lại, dân chủ phương Tây sẽ thực ra làm mạnh thêm những lực lượng chính trị chống phương Tây. (Suy luận này của Huntington hoàn toàn trái với Fukuyama. Fukuyama cho rằng dân chủ Tây phương sẽ bắt cội rễ và có ảnh hưởng lâu dài và thuận lợi cho nhân loại.)

Sự liên hệ giữa Hồi giáo và phương Tây cũng rắc rối thêm vì dân số ở các nước Ả Rập tăng rất nhanh, đặc biệt là ở bắc Phi, đã dẫn đến làn di dân đến Tây Âu và đã gây căng thẳng ở Pháp, Đức nơi mà sự phân biệt chủng tộc và bạo động chống người Ả Rập và Thổ Nhĩ Kỳ đã lan rộng.

Ở cả hai bên, sự giao tiếp của hai nền văn minh này được coi như là sự xung đột và cọ xát chứ không phải là hoà đồng học hỏi. M.J. Akbar, một tác giả ẩn gốc Hồi giáo cho rằng sự trạm chán kế tiếp của phương Tây chắc chắn sẽ đến từ thế giới Hồi giáo. Nó sẽ đến từ một dải vòng cung gồm các nước Hồi giáo trải dài từ bắc Phi đến Pakistan, đứng dậy và bắt đầu tranh đấu cho một trật tự thế giới mới.

Ngoài sự xung đột giữa thế giới Hồi giáo và Tây phương ở “biên giới Đông Tây”, còn có sự xung đột giữa Hồi giáo và Chính thống giáo cũng không kém